

Ế THỪA VÀ PHÁT TRIỂN TRONG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

HOÀNG TRỌNG PHIẾN

Đại học KH Xã hội & Nhân văn - ĐHQGHN

Việt ngữ nghiên cứu của học giả Phan Khôi khởi thảo từ năm 1948 và xuất bản năm 1954. Phan Khôi là một trong rất ít người nhận thức sớm về việc nghiên cứu tiếng Việt phải vào chính cái đặc trưng loại hình của nó.

Việt ngữ nghiên cứu chưa phải là công trình khoa học lý luận quy mô. Nhưng Phan Khôi đã đặt ra những vấn đề căn bản và cũng là những vấn đề gây cản nhất trong Việt ngữ, như phân tích vận quốc ngữ (cấu trúc âm tiết), chữ Nôm và vấn đề cổ âm trong tiếng Việt, loại danh từ, đại từ nhân xưng và loại từ *con, cây, cục, cái*, hư từ và thời gian - không gian, ngữ pháp, thuật ngữ của ngữ pháp, phương pháp dạy văn pháp tiếng Việt v.v... Kinh nghiệm và uyên thâm Hán học cùng với sự tiếp thu có chọn lọc những kiến giải từ pháp học Châu Âu, bằng cách so sánh - đối chiếu theo phương pháp lịch đại và đồng đại, Phan Khôi có những gợi ý giá trị về cách lý giải và có phong cách nghiên cứu độc đáo. Nhận xét của ông còn chưa chính xác, mang cảm tính nhưng đi vào chiều sâu cảm nhận sự tri nhận mối quan hệ giữa ngôn ngữ và tư duy. Chúng ta có thể tiếp tục tìm tòi, phát hiện những phát hiện của ông, chẳng hạn như, yếu tố *con, cái* không phải để biểu thị sự giống mà là biểu hiện sự vận động và tĩnh. Các loại từ này đều có âm "c" đứng đầu nghĩa tinh tế và minh xác hơn nữa là: sinh thực khí của đàn ông thì gọi là con, vì những lúc cử động như một động vật thực; của đàn bà thì gọi là cái, vì nó chỉ chịu hưởng khác cái bình, cái lọ, một vật nhân tạo" ([1] tr.75). Bài này chúng tôi chỉ nêu cái mới của Việt ngữ, nghiên cứu từ cách nhìn lịch sử để định vị lại nó trong kho tàng về nghiên cứu tiếng Việt.

Nói về chức năng và sự hoàn thiện của tiếng Việt, Phan Khôi viết: "Hết thời đại tiến ngữ ngôn tiến hóa. Để cho tiếng nói của dân tộc tiến hóa thì các nhà giáo, các nhà văn chúng ta có cái trách nhiệm phải làm cho tiếng nước ta tiến dần lên đến bậc hoàn thiện. Nói có hoàn mỹ thì mới đẩy văn học, khoa học tiến lên được, mới phục vụ được cho dân, cho quốc gia, dân tộc mới đi nhanh trên con đường tiến hóa của hiện đại" ([1] tr. 4).

Từ luận điểm này, Phan Khôi nêu những nhược điểm của tiếng Việt như: chưa có đại từ xưng ngôi thứ 3 trung hòa, những mơ hồ về cách dùng các loại từ, các công cụ ngữ pháp từ chỉ hướng của hành động, cách biểu hiện không - thời gian trong ngữ pháp. Do Phan Khôi cho rằng, không nên và không thể "theo sát với văn pháp tiếng Pháp, không tính chất riêng của tiếng ta" ([1] tr.157). Ông chủ trương miêu tả, phân tích cụ thể hiện tượng trong "thói quen" dùng của ngôn ngữ toàn dân, đối chiếu với các hiện tượng tương đương trong các phương ngữ. Đó là cách tiếp cận đúng. Bởi lẽ, ngôn ngữ là sản phẩm đồng dân tộc. Nó gắn liền với số phận của lịch sử văn hóa dân tộc đó. Nhờ chọn

đúng chỗ đúng mà Phan Khôi nhìn đúng và lý giải tương đối tế nhị cách tư duy ngôn ngữ người Việt Nam.

II. Về phương pháp phân tích và các phát hiện của “*Việt ngữ nghiên cứu*”. Cũng như các học giả cùng thời, Phan Khôi tiếp thu các kiến giải của ngôn ngữ học Pháp, “*Cú bản vị*” của Lê Cẩm Hy, Trung Quốc. Nhưng ông có cách tiếp cận khác. Ông viết “Đối với thứ tiếng có tính chất riêng như thế, mà sách văn pháp lại cứ bắt đầu chia ra từ loại, thì thì xa với sự thực quá, nếu không nói là vô lý” ([1] tr.158). Ông phân tích theo “*cú bản vị*” câu làm gốc, làm môi trường hành chức của các đơn vị từ ngữ. “Bắt đầu từ câu ngắn rồi câu dài, từ câu đơn rồi đến câu ghép, rồi sau nữa đến những câu ấy hợp lại mà thành một *một thiên*” ([1] tr.158). Cách phân tích này cho phép phát hiện được chức năng của từ và vị ngữ trong từ loại của chúng. Vai trò của nghĩa và quan hệ của các yếu tố trong câu, trong văn bản lần đầu tiên được Phan Khôi coi trọng ([1] tr.159). Ông cho rằng một ngôn ngữ như tiếng hã bắt đầu bằng sự phân tích, miêu tả cận kề rồi tiến lên tổng hợp có tính quy luật, có đặc trưng loại hình.

Quá trình phân tích, tác giả “*Việt ngữ nghiên cứu*” đã dùng các thao tác so sánh giữa các hiện tượng cùng loại và khác loại, đối chiếu chúng trong thói quen dùng và với dùng địa phương. Tuy chưa thành một hệ thống thao tác, nhưng Phan Khôi có cách nhìn cục ở các bình diện của một hiện tượng. Ông không chỉ đối chiếu hiện tượng đang xét quá trình diễn biến (lịch đại) mà còn đối chiếu hiện trạng đang sử dụng với các biến (đồng dạng). Nhờ cách làm *tỷ mỉ, thận trọng, suy đi tính lại của một lối tư duy duy lý*, Khôi phát hiện nhiều điều lý thú, tinh tế. Ở đây tôi xin nêu mấy điểm chính mà ông là gợi ý đầu tiên cho các kiến giải của chúng ta hiện nay.

a) Khi nói về “*vấn quốc ngữ*” ông cho rằng trong ngôn ngữ có hai thứ tiếng tự nhiên một là “*tiếng động*”, hai là “*tiếng nhạc*”. Các phụ âm phỏng theo tiếng động như “*b*”, phải đọc gấp và cụt, nếu ngân dài ra phải nhờ [ơ] theo sát nó (bờ), (tờ). Các nguyên âm phỏng theo tiếng nhạc như “*a, o*” có thể ngân dài ra và có thể lên bổng xuống trầm... Nhờ vậy quốc ngữ mới có được hệ thống các dấu thanh. Các dấu thanh được phân giải trên nguyên của vấn. Đó cũng là lý do tại sao đánh dấu phải đánh ngay trên nguyên âm chứ không phải trên cả dải khuôn âm tiết ([1] tr.23).

b) Phan Khôi dùng phương pháp đối chiếu cách đọc Nôm với từ Hán - Việt để thấy sự không phân biệt cách đọc [d] và [gi], [ch] và [tr]. Ông đưa ra hàng loạt từ để so sánh chữ:

da (da thịt) viết là	𦍋	, nhục bằng chữ da
dạ (lòng dạ) viết là	𦍋	, nhục bằng chữ đã
dâu (cây dâu) viết là	𦍋	, mộc bằng chữ dâu
đế (con đế) viết là	𦍋	, trùng bằng chữ đế
dạy (dạy bảo) viết là	𦍋	, khẩu bằng chữ dạy

Căn cứ cách cấu tạo chữ Nôm, một bên theo nghĩa, một bên theo âm. Các từ gắn với thịt nên theo bộ nhục, dâu loài cây nên theo bộ mộc; đế loại trùng nên theo bộ dạy từ miệng nên theo bộ khẩu. Còn về âm sao lại dùng: *da, đã, dâu, đế, đại*... đều có cả? Theo Phan Khôi, *d* và *đ* cách đọc ngày xưa gần nhau. Và lại, căn cứ cách ghi âm của quốc ngữ, sự gần gũi này thể hiện ở nét ngang của *d* thành *đ* và chúng ở liền kề nhau.

Thêm nữa, Phan Khôi lại căn cứ vào các từ cùng nghĩa khác âm *cây da* (cây đa), *cái đĩa*, *con dao* (cao dao), *dằng hắng* (đàng hắng), *nói dai như kéo kẹo* tương ứng với *kẹo dai*". Cũng theo cách đối chiếu với cách phát âm các từ Hán - Việt có tương ứng [d] [gi]. Các chữ Hán có âm [y] thì ta đọc thành [d]. Ví dụ: 耶 (ya) - da, (yàu) - da, 月 (yông) - dụng; 演 (yìn) - diễn, 羊 (yương) - dương. Các từ có ta đọc và viết thành [gi], ví dụ: 江 (kiang) - giang, 間 (kan) - gian, 音 (ka) - giã. (Ka) - giã... Cách đọc Hán trên đây là cách đọc của người Quảng Đông mà ta đã dùng khi chữ Nôm.

Về cách đọc và cách viết *ch/tr* Phan Khôi cũng có những lý giải thú vị. Những chữ ở Quảng Đông đọc *ch* ta cũng đọc *ch*, có những từ họ đọc *ch* ta đọc *tr*, ví dụ: 住, 亦主 (*trụ*). 長 (chường/trường), 沈 (chhâm/trâm) v.v... Trái lại cũng có những từ như 止 (chí/trí), 扯 (chhá/chì).

Phan Khôi còn so sánh, tìm tòi cách đọc chữ Nôm dựa vào cứ liệu phương ngữ để biệt *đgi* và *ch/tr*. Chữ già (già cã), chữ Nôm viết: 老茶 (có chữ 茶 trà để hài h sao lại không dùng âm Hán 伽 vốn quen dùng? và ông đưa một giả thiết, chữ ngày đọc là *giã* người xưa không đọc *giã* mà đọc *trà* nên viết 老茶 như thế. Các vùng ng Trị, Huế còn lối nói: *ông tra bà lão*, *nhà tranh/nhà gianh*, *giã nợ/trả nợ*, *lúa giõ/lúa giầu cau/trấu cau*, *giần giọc/trần trọc*), giần dùng chữ 陣 (*trận*) hài thanh. *Giần* xưa là *trận* cũng có lý của nó. Ngày nay ta có *nổi trận lôi đình*, *phong ba nổi trận bời bát bình nổi trận dùng dùng sấm vang đều có trận* ứng với *giần*. Sau khi dùng kinh nghiệm của "cổ âm học" Trung Quốc để lý giải cách đọc một số âm vị tiếng Việt hiện đại, Phan Khôi đề nghị: "Việt Nam cũng sẽ có một ngành cổ âm học của mình thì sẽ có lợi cho ngôn ngữ văn tự, cho học giả tương lai nhiều lắm" ([1] tr.39). Dự kiến tốt đẹp đó được yễn Tài Cẩn, Nguyễn Quang Hồng, Đặng Đức Siêu, Nguyễn Ngọc San và một loạt các ngữ âm học lịch sử ngày nay xây dựng trên nền lý luận và phương pháp ngôn ngữ học hiện đại đã và đang có những thành tựu quý báu. Chúng ta học ở Phan Khôi về thao tác tư lý giải. Đó là cách so sánh, đối chiếu ở các bình diện và các trục lịch đại và đồng đại của các hiện tượng được nghiên cứu.

c) Phan Khôi thuộc vào số những người sớm nhận thức vai trò ngữ nghĩa và mối quan hệ ngữ nghĩa - ngữ pháp để nghiên cứu ngữ pháp tiếng Việt. Khi nói về tiền danh từ và các từ: *cây*, *cục*, *cái*, ông viết "bốn chữ ấy chưa có thể cấp cho một cái danh hiệu gì vội, như nó đã được gọi là mạo tự hay quán tự. Tôi muốn hăng lột trần nó ra, coi nó có cái tính chất của cái công dụng thế nào đã, rồi hãy đặt tên cho nó sau" ([1]tr. 74). Các từ này đặt trước danh từ chỉ vật (động vật, thực vật, khoáng vật) theo từng loại. *Con*, *cái* không phải để biệt giống đực giống cái mà để phân biệt động và tĩnh. *Con* đặt trước danh từ chỉ động vật cái đặt trước danh từ chỉ vật nhân tạo. Và suy ra bất kỳ vật nào có vẻ động thì cũng gọi là *Con* thuyền, *con* tàu, *con* sông...

Sau khi khảo sát giá trị tải nghĩa cấu tạo, Phan Khôi cho từ *cái* có giá trị mạo từ, vì nó khả năng đứng trước các từ *con*, *cục*, *cây*, *đóa*, *hột*, *cũ*, *thối*, *cuốn*, *từ*, *mảnh*, *tám*... Sau Phan Ngọc chỉ rõ thêm giá trị cảm xúc của *cái*. *Cái* có khả năng chính xác hóa danh từ tránh được mơ hồ ý nghĩa của chúng. Chính vì thế mà *cái* có khả năng đứng trước danh từ loại từ. Phan Ngọc dẫn một ví dụ trong dịch thú vị như sau: "Nếu dịch câu: *Je me plains de cette mère aveugle sur les défauts de son fils* mà dịch là *Tôi nhớ đến bà mẹ không*

biết gì đến những khuyết điểm của con trai mình ấy, thì nhất định ấy thuộc về con trai không gắn với bà mẹ. Nhờ dùng cái mà nội dung thông báo của câu trên trở nên rành mạch. Tôi nhớ cái bà mẹ không biết gì đến những khuyết điểm của con trai mình ([2] tr.295). Đó như Phan Khôi nhận xét: “Trước hết, cái có sức làm cho những danh từ trừu tượng thành cụ thể” ([1] tr.75). Ngày nay, chúng ta nhìn những tổ hợp danh từ có cái thì đó là những danh từ hoặc khai triển danh từ thành danh ngữ.

Khi bàn về thời gian hoặc không gian trong ngữ pháp, Phan Khôi đặt vấn đề khá sắc về mặt triết học trong ngữ pháp tiếng Việt. Sở dĩ tiếng Việt không chia thì như tiếng Pháp vì nó là thứ tiếng đơn lập, không có biến hóa hình thái của từ. Có sự chênh lệch không gian và thời gian vì không gian thì im lặng, thời gian thì biến chuyển không ngừng trong không gian. Tất thảy mọi hành động của con người, của sự vật, của hiện tượng nhờ thời gian mà con người có thể nhận thấy được sự biến thiên không lặp lại của chúng. Cũng Thế Long hay Hà Nội, dù đã trải qua biết bao thành bại hưng vong nhưng vẫn là cái không đổi. Tiếng nói là dấu hiệu riêng của con người ta để ghi lại sự động tác của mình. Cho nên chú trọng vai trò ngữ pháp thời gian trong tiếng nói ([1] tr. 91). Thời gian trong tiếng Việt thời gian tâm lý chứ không thuần túy là thời gian vật lý. Theo ông các từ: *đã, đang, sẽ* với thì của động tác. Các từ này không đơn giản biểu diễn các khúc đoạn quá khứ, hiện tại tương lai. Nói cho đúng ta, đã không hẳn chỉ quá khứ mà chỉ thể hoàn thành của quá khứ của hiện tại, và của tương lai nữa ([1] tr. 94). Các từ phương hướng: *trên, dưới, trong, ngoài, lên, xuống, ra, vào* là những từ chỉ không gian và hoạt động trong không gian. Các từ này là một quá trình chuyển hóa từ thực từ sang hư từ. Ông cũng dựa vào điểm xuất phát để định nghĩa của chúng. Song, ông đặt vấn đề đúng đắn rằng: Người Pháp người Tàu xem từ ở mục đích điểm là chỗ hoạt động, còn ta xem trọng ở xuất phát điểm. Lấy xuất phát điểm cũng có cái hay và cũng có cái không hay. Do đó, cũng cần dựa vào quan niệm, tâm thức cách phân chia thế giới của người Việt, dựa vào cả khả năng kết hợp với động từ mà động từ lại có ngữ trị của nó chỉ phối sự xuất hiện các từ này. Cho nên tính logic ngữ nghĩa của với thói quen dùng của người Việt sẽ giúp lý giải ngữ nghĩa - ngữ pháp các từ này. Sau Phan Khôi có Phan Ngọc, rồi đến Nguyễn Tài Cẩn, Nguyễn Lai, Lý Toàn Thắng phát hiện đầy hơn giá trị ngữ pháp của các từ này. Lý Toàn Thắng đi sâu vào thế giới quan, tâm thức để giải sự hoạt động chức năng của chúng. Yếu tố tâm lý có vai trò không nhỏ chỉ phối sự hoạt động chức năng của nhóm từ đó.

d) Từ những khảo sát chi tiết trên đây về âm, về từ, về từ loại, về một số từ làm thành ngữ pháp, về thành phần câu, Phan Khôi đã khái quát thành ba đặc điểm của tiếng Việt. Ngoài những đặc điểm phổ quát mà các ngôn ngữ đều có, ba đặc điểm này làm thành nét văn hóa ngôn từ của người Việt. Đó là: theo thứ tự của thời gian, chủ từ tổng hợp và theo góc độ của chủ quan. ở đây, cần nhấn mạnh ba ý kiến độc đáo của Phan Khôi.

1) Tiếng ta lấy thứ tự của thời gian làm trọng. Thứ tự này có mang nghĩa. Ví dụ *Je reviens de la chasse*. Người Pháp lấy hành động đang tiến hành làm trọng nên câu có nghĩa *Tôi trở về từ sự đi săn*. Người Việt coi hành động nào trước nói trước, hành động sau nói theo cách: *Tôi đi săn về*. Thứ tự này không chỉ ở câu tự sự mà trong câu mệnh lệnh nữa *sính Couchez vous dès que vous avez envie de dormir; levez - vous dès que vous éveillez; travaillez dès que vous êtes levés; ne mangez que lorsque vous avez faim; ne buvez que lorsque vous avez soif; ne parlez que lorsqu'il le faut*. Nếu dịch sát nghĩa thì: *Hãy đi*

khí buồn ngủ, hãy chỗi dậy liền khi thức giấc; hãy làm việc liền khi đã chỗi dậy; chỉ nên ăn nào thấy đói; chỉ nên uống lúc nào thấy khát; chỉ nên nói lúc nào đáng nói". Nhưng người Việt Nam thích dùng theo lối: *Buồn ngủ thì đi ngủ ngay; thức giấc thì chỗi dậy ngay; dậy rồi thì làm việc ngay. Khi nào đói hãy ăn; khi nào khát hãy uống; khi nào đáng nói nói.* Cách nói sau là cách nói coi trọng hành động mà trung tâm nghĩa mệnh lệnh được g từ biểu thị.

2). Tuy nhiên, tiếng Việt ngày nay cũng có nhiều biến thể câu theo quan hệ giữa ngữ và lời nói. Lời nói đa dạng và theo chiến lược, định hướng của chủ ngôn. Hiện nay, người ta dùng câu danh ngữ bên cạnh câu động ngữ. Ví dụ: *Cái chết của cha tôi làm tôi buồn* và *Cha tôi chết làm tôi buồn.* Bởi lẽ, câu danh ngữ là một thành tựu của phong cách chính của tiếng Việt Nam hiện đại. Phan Khôi tuy không đưa ra lý luận về đoán ngữ, song, trong cách giải về chủ từ tổng hợp của ông, ta nhận được ở ông khái niệm đoán ngữ làm chủ từ cho chủ từ thì gọi là *danh từ ngữ (noun phrase)* khi lấy một câu làm chủ từ với tư cách một chủ từ thì gọi là *danh từ cú (noun clause)*. Thực chất, đây là mệnh đề làm chủ ngữ hoặc chủ đề của câu. Phan Khôi cho "đó là một bước tiến của tiếng Việt đấy chứ!" ([1] tr.127).

3). Việc dạy câu theo "đồ giải" Phan Khôi tiếp thu kinh nghiệm của Lê Cẩm Hy và ngữ học Châu Âu. Ông viết: "nó cũng là phép đặt ra bởi người Âu Châu mà ta đem chăm sóc ứng dụng theo các đặc điểm của tiếng bản quốc" ([1] tr.159). Phép dạy theo đồ giải có chất là dạy theo mô hình cấu trúc cú pháp câu. Căn cứ vào quan hệ và vị trí của thành tố cấu trúc chức năng ngữ pháp của chúng. Chính vị trí cho ta nhận diện được yếu tố và các chức năng của nó vậy ([1] tr.160). Điều thú vị là thông qua "đồ giải" người học nhận biết được bộ phận cốt lõi của câu mang nghĩa logic - cú pháp, một bộ phận khác là phụ gia để khuếch đại, nó mang nghĩa thuyết minh, nghĩa tình thái của câu có quan hệ với tu từ. Phan Khôi viết: "Học văn pháp để mà nói và viết cho đúng. Song, viết không những cậy ở văn pháp thôi mà còn cậy ở luận lý học và tu từ học nữa. Thế nhưng văn pháp lại quan hệ với luận lý học và tu từ học" ([1] tr.176).

III. *Việt ngữ nghiên cứu* là kết quả khảo sát, tìm tòi từng vấn đề riêng lẻ, không theo hệ thống, cách trình bày, diễn đạt theo lối nói đời thường. Nó không thiên về lý luận mà thiên về cảm thức thực tế bằng phương pháp so sánh, đối chiếu, cùng loại suy logic. Phan Khôi tự bạch, tự phủ định mình; trần trụi để đi tìm chân lý. Trong "*Việt ngữ nghiên cứu*" ông ta thấy sau mỗi vấn đề đã bàn luận Phan Khôi có phần "Viết thêm về sau". ở phần này ông phủ định ý kiến của chính mình đã nói trước đó. Theo tôi, đó là cách làm việc có bản lĩnh, có trách nhiệm và có cá tính. Ông ao ước viết một quyển sách ngữ pháp tiếng Việt, song vì "lúng túng, không xử lý được nhiều trường hợp rắc rối trong ngôn ngữ. Sau này mới nhận ra cái bí của mình là: một thứ tiếng như tiếng ta làm việc tổng hợp là rất khó. Phải phân tích tỉ mỉ, kỹ càng rồi, bấy giờ làm việc tổng hợp thì có lẽ dễ hơn" ([1] tr.3). Ông khoa học chỉ dừng lại ở miêu tả, phân loại là chưa đủ mà phải khái quát thành đặc trưng. Ông vậy "*Việt ngữ nghiên cứu*" đã nêu được những đặc trưng loại hình mà các thế hệ Việt Nam học trong và ngoài nước hiện nay kế thừa, bổ sung và phát triển. Để kết luận về ông, tôi nhận thấy cách diễn đạt của Phan Khôi khi nói về Trung Hoa quy công cho Cố Viêm Vũ - người ông góp lớn về việc đính chính sách xưa của Tống Nho, "các sách xưa khó hiểu đều có chú giải rõ ràng, khiến người đọc hiểu được. Trước những hiệu quả ấy, uống nước nhớ

nguồn, học giới Trung Hoa quy công cho họ Cố và ông tự hỏi: Có người sẽ hỏi: Sự tìm theo chữ Nôm được nói ở đây nhằm có thu được lợi ích gì? Tôi vẫn biết một vài nhận xét tôi đây chỉ là nông nổi, lẻ loi, vụn vặt, một mình nó, tất nhiên không có lợi ích gì. Nhưng cũng là một lối tìm cho biết cố âm" ([1] tr.38). Chính cái lối, cái cách tìm tòi "nông nổi lẻ loi, vụn vặt" đó làm nên nét tinh tế của tư duy Phan Khôi mà chúng tôi - những kẻ hậu s biết ơn ông. Trước đây, vì nhiều lẽ mà chúng tôi lấy từ ông mà không nói đến ông. Dù "Việt ngữ nghiên cứu" của Phan Khôi đứng vào hàng sách có tần số xuất hiện lớn nhất tr danh mục sách tham khảo của các công trình nghiên cứu tiếng Việt với các cách tiếp khác nhau.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phan Khôi. *Việt ngữ nghiên cứu*. NXB Văn nghệ, Hà Nội, 1955.
2. Phan Ngọc. Ảnh hưởng của ngữ pháp Châu Âu tới ngữ pháp tiếng Việt: Sự tiếp xúc ngữ p Xem *Tiếp xúc ngôn ngữ ở Đông Nam Á*. Hà Nội, 1983.
3. Nguyễn Tài Cẩn. *Ngữ pháp tiếng Việt: Tiếng - Từ pháp - Đoản ngữ*. NXB ĐHQG, Hà 1996.
4. Nguyễn Lân. *Ngữ pháp tiếng Việt, lớp 5, lớp 6, lớp 7*. NXBGD Hà Nội, 1956.
5. Nguyễn Lai. Một vài đặc điểm của nhóm từ chỉ hướng được dùng ở dạng động từ tiếng Việt 1 đại. *Tạp chí Ngôn ngữ*, số 3 (1977).
6. Lý Toàn Thắng. *Tâm thức người Việt qua ngữ nghĩa*. Hà Nội, 1996.
7. Đinh Văn Đức. *Ngữ pháp tiếng Việt: Từ loại*. Hà Nội, 1986.
8. Nguyễn Quang Hồng. *Ấn tiết và loại hình ngôn ngữ*, Hà Nội, 1994.

VNU. JOURNAL OF SCIENCE, Soc., Sci., t. XII, n°2, 1996

CONTINUATION AND DEVELOPMENT OF SCIENTIFIC RESEARCHES.

HOANG TRONG PHIEN

College of Social Sciences and Humanities - VNU

"*Vietnamese Studies*" is a research by the Scholar Phan Khoi, who ranks among pioneers devoting themselves to the study of the characteristics of the Vietnamese language with typical approach.

Phan Khoi studied such aspects of Vietnamese as spelling, fillers, pre-modifi grammatical nouns, particles, time-space in grammar, demonstratives, and deixis characterize Vietnamese; and the teaching of Vietnamese and grammar of Vietnamese through *syntax* and *diagrams*.

"*Vietnamese Studies*" is not only a research in the theory of linguistics, but also discovered and generalized the prominent characteristics of Vietnamese - a monosyllabic langu This is a research done with an effective scientific method of analysis.

The article assesses, from the open and scientific viewpoint, the value of and contribution by Phan Khoi to the study of Vietnamese. All the concepts of one's mother tongue, way of thinking and presentation are impressed by a style which is very *Phan Khoi* in itself.

The message that the article means to send to the reader is that we - scientists *born later* greater ability should be grateful to him, and should *remember the source while drinking water*.